

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 386/2019/DSPT

Ngày: 25,29 - 11 - 2019

V/v Tranh chấp Hợp đồng ủy
quyền và hợp đồng CNQSDD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Ông Lại Vĩnh Trung

Bà Trần Thị Thu Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLPT-DS ngày 18/4/2019 về: “Tranh chấp: Hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1985;

1.2. Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1993;

Đều trú tại: Số 25A ngõ 54 Kim Ngưu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.3. Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1959;

1.4. Chị Nguyễn Thúy Tâm Đ, sinh năm 1996

Đều trú tại: Số 6B phố Trần Nhân Tông, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nhân, chị Đan là anh Nguyễn Quang L.

Có mặt bà Thúy, anh Long; vắng mặt anh Nhân, chị Đan.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc Đ, sinh năm 1968. Trú tại: Số 32 ngõ 72 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đạt:* Luật sư Trần Đình Thắng – Công ty Luật TNHH KoCi và Luật sư Đoàn Thị Lan Anh – Công ty Luật Thiên Đức.

Có mặt ông Đạt, Luật sư Lan Anh; vắng mặt Luật sư Trần Đình Thắng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Chí Kiên, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn 5, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.2. UBND xã Song Phương, huyện Hòa Đức, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Chủ tịch UBND xã Song Phương. Vắng mặt.

3.3. Văn phòng công chứng Lạc Việt. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Trần Quốc Khánh - Trưởng Văn phòng. *Đại diện theo ủy quyền*: Bà Ngô Bích Hòa. Có mặt.

3.4. Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh. Địa chỉ: 260 Xã Đàn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Bà Lê Thị Danh - Trưởng Văn phòng. Vắng mặt.

3.5. Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ bất động sản Đông Dương. Địa chỉ: Số 32, ngõ 72, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Quốc Đ - Chủ tịch HĐQT. Người được cử “*thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ bất động sản Đông Dương tham gia phiên tòa và giải quyết toàn bộ vụ án*” là ông Chu Văn Tiến - Vắng mặt.

3.6. Ông Phạm Văn Sơn, sinh năm 1963. Vắng mặt.

3.7. Anh Nguyễn Đình Tùng, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Phương Viên, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Quốc Đ là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà Thúy có thửa đất số 24/2a, 24/1, tờ bản đồ số 6, diện tích 840 m²; địa chỉ: khu Mồm Bò, thôn Phương Viên, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất số số 24/2a, 24/1) và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 759290 do UBND huyện Hoài Đức cấp cho chủ sử dụng là hộ bà Đoàn Thị Thanh T ngày 31/12/2007, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Năm 2008, vợ chồng bà Thúy đã tặng cho anh Nguyễn Quang L. Ngày 18/7/2008, UBND huyện Hoài Đức cấp GCNQSDĐ số AN 129326 cho chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Quang L. Nguyên đơn khẳng định toàn bộ đất và tài sản trên đất là của cá nhân anh Long được nhận qua việc tặng cho. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, anh Long tự nguyện chuyển đổi đăng ký sang hộ gia đình với mục đích sử dụng chung.

Do quen biết, bà Thúy nhờ ông Đạt bán hộ thửa đất số số 24/2a, 24/1. Ngày 06/9/2016, tất cả thành viên gia đình bà Thúy gồm: bà Thúy, anh Long, anh Nhân, chị Đan ký Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1209.2016/HĐ-UQ (*Sau đây viết tắt là*: HĐUQ số 1209) tại Văn phòng công chứng Lạc Việt (*Sau đây viết tắt là*: VPCC Lạc Việt). Nội dung: ông Đạt thay mặt và nhân danh những người ủy quyền quản lý, sử dụng bất động sản theo GCNQSDĐ số AN 129326; thực hiện mọi thủ tục theo quy định pháp luật để cho mượn, tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp, ký các giấy tờ cần thiết tại các cơ quan có thẩm quyền đối với bất động sản theo GCNQSDĐ số AN

129326 và chịu các chi phí phát sinh từ việc được ủy quyền nêu trên; thời hạn ủy quyền cho đến khi hoàn thành việc ủy quyền hoặc chấm dứt theo pháp luật.

Sau khi giao GCNQSDĐ số AN 129326 cho ông Đạt; ông Đạt cho bà Thúy vay 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất 1.500đồng/1.000.000đồng/ngày. Ông Đạt thảo sẵn Hợp đồng hợp tác nuôi chim (ban đầu viết tay nhưng sau đó là bản in) để hợp thức việc cho vay tiền. Tính đến ngày 01/8/2017, bà Thúy đã trả ông Đạt 400.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả gốc. Tháng 9/2017, ông Đạt có hỏi bà Thúy vay tiền thêm 01 năm nữa không nhưng bà Thúy không đồng ý. Bà Thúy khẳng định việc vay mượn là giữa cá nhân bà với ông Đạt; không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình. Anh Long cũng khẳng định các thành viên khác trong gia đình không liên quan đến việc vay tiền giữa bà Thúy và ông Đạt. Bà Thúy thấy không đủ khả năng trả tiền cho ông Đạt nên đã nhờ anh Long liên hệ với ông Đạt để đưa khách đến đặt cọc mua đất. Gia đình bà Thúy đã liên hệ với ông Đạt nhưng không kết quả.

Khi gia đình bà Thúy biết ông Đạt muốn bán thửa đất số 24/2a, 24/1 nên đã đến VPCC Lạc Việt yêu cầu hủy, chấm dứt HĐUQ số 1209 nhưng được giải thích do không có ý kiến của ông Đạt thì VPCC Lạc Việt không có quyền chấm dứt, hủy HĐUQ số 1209; hướng dẫn bà khởi kiện tại Tòa án.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị:

- Chấm dứt HĐUQ số 1209; buộc ông Đạt trả lại GCNQSDĐ số AN 129326;
- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Sau đây viết tắt: HĐCN QSDĐ*) tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh giữa ông Đạt với anh Kiên và buộc ông Đạt, anh Kiên chấm dứt việc cản trở quyền sử dụng tài sản hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình tham gia tố tụng. Nguyên đơn được biết:

+ Ông Đạt đã có đơn tố cáo bà Thúy lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Công an quận Tây Hồ. Công an đã mời bà Thúy đến làm việc và được thông báo vụ án không có yếu tố hình sự. Tại Công an quận Tây Hồ, ông Đạt khẳng định chưa thực hiện giao dịch chuyển nhượng thửa đất số 24/2a, 24/1 cho ai. Nếu ông Đạt yêu cầu giải quyết 1.000.000.000 đồng bà Thúy đã vay, bà Thúy xin trả tiền gốc, không đồng ý trả lãi; không yêu cầu xem xét khoản lãi đã trả. Trường hợp ông Đạt không có yêu cầu phản tố thì đề nghị Tòa án tách giải quyết bằng vụ án khác khi ông Đạt có yêu cầu.

+ Anh Kiên có yêu cầu độc lập đề nghị công nhận việc ông Đạt đã bán thửa đất số 24/2a, 24/1 cho anh Kiên ngày 09/11/2017. Nguyên đơn không đồng ý vì ông Đạt bán cho anh Kiên khi nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chấm dứt HĐUQ số 1209 và bổ sung yêu cầu đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 24/2a, 24/1 giữa ông Đạt với anh Kiên.

2. Bị đơn - Ông Lê Quốc Đ trình bày:

Do quen biết, bà Thúy đã thuyết phục ông hợp tác nuôi chim tại thửa đất số 24/2a, 24/1. Để ông tin tưởng và giao số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Thúy; ngày 06/9/2016, bà Thúy cùng các con đến VPCC Lạc Việt lập HĐUQ số 1209 cho ông Đạt như nguyên đơn trình bày.

Ông khẳng định: Không có việc ông cho bà Thúy vay lãi 1.000.000.000 đồng như bà Thúy trình bày. Vì: Khoảng tháng 3-4/2016, bà Thúy thuyết phục ông góp vốn

nuôi chim trên đất của gia đình bà Thúy. Ngày 08/9/2016, ông và bà Thúy đã ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh, nội dung: Ông Đạt góp 1.000.000.000 đồng trong thời gian 01 năm, lợi nhuận là 45.000.000 đồng/tháng. Nếu bà Thúy không thực hiện đúng, ông Đạt được quyền bán thửa đất số 24/2a, 24/1 theo HĐUQ số 1209. Số tiền bà Thúy trả cho ông là tiền lợi nhuận từ việc hợp tác kinh doanh, ông không nhớ bà Thúy đã trả bao nhiêu lợi nhuận vì ông không giữ biên bản giao nhận tiền. Anh Long là người biết việc bà Thúy nhận 1.000.000.000 đồng, anh Long là người trực tiếp đưa bà Thúy đến phố Ngọc Hà ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh để ông đưa bà Thúy và anh Long ra Ngân hàng PGBank nhận 1.000.000.000 đồng của ông.

Ông biết bà Thúy không nuôi chim như thỏa thuận, nên ngày 10/10/2016, ông ký Hợp đồng dịch vụ số 10/HĐDVĐD (*Sau đây viết tắt là: HĐDV số 10*) giao cho Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ Bất động sản Đông Dương (*Sau đây viết tắt là: Công ty CP Đông Dương*) mượn, sử dụng thửa đất số 24/2a, 24/1 với thời hạn 19 năm.

Việc nguyên đơn trình bày đã dẫn người mua đất thì ông không rõ (*theo ông là không có vì nếu có thì ông sẽ đồng ý ngay*). Ông khẳng định không có việc nguyên đơn đã thông báo với ông về việc chấm dứt HĐUQ số 1209; ông không chuyển nhượng thửa đất số 24/2a, 24/1 cho anh Kiên mà ông mới cho Công ty CP Đông Dương và anh Kiên mượn, sử dụng theo HĐDV số 10.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có quan điểm:

- Theo nội dung HĐUQ số 1209 và Điều 44 Luật công chứng thì bà Thúy không có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền.
- Không đồng ý trả lại GCNQSDĐ số AN 129326 do bà Thúy phải thực hiện theo HĐUQ số 1209 và thỏa thuận hợp tác kinh doanh đã ký kết.
- Rút đơn phản tố và thay và đó là Đơn tố cáo ngày 06/12/2017.
- Yêu cầu bà Thúy xuất trình bản chính giấy biên nhận tiền do ông viết để đối chiếu số tiền ông đã nhận.
- Buộc bà Thúy và những người đang chiếm giữ, sử dụng trái phép thửa đất phải di dời toàn bộ con người, tài sản ra khỏi thửa đất số 24/2a, 24/1 trả lại toàn bộ tài sản cho ông theo HĐUQ số 1209 và các quyền lợi phát sinh từ việc chiếm giữ trái phép tài sản của ông để ông thực hiện các quyền theo HĐUQ số 1209.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Chí Kiên trình bày:

Anh nhận chuyển nhượng thửa đất số 24/2a, 24/1 từ ông Đạt theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 003592.2017/CNQSDĐ ngày 09/11/2017 (*Sau đây viết tắt là: HĐCNQ SĐĐ số 003592*) tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh (*Sau đây viết tắt là: VPCC Tuệ Tĩnh*) ngày 09/11/2017 với giá 1.680.000.000 đồng, anh đã trả đủ cho ông Đạt. Khi giao dịch, anh không biết có tranh chấp giữa ông Đạt với bà Thúy (*Khi Tòa án và Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội thông báo thì anh mới biết có tranh chấp*); anh và ông Đạt chỉ bàn giao thửa đất thực địa, không nhờ chính quyền địa phương hay ai khác chứng kiến. Sau khi bị chiếm đất thì anh đã báo cáo chính quyền xã, đề nghị người đang sử dụng đất trả đất,

chấm dứt hành vi chiếm đất, sử dụng đất sai mục đích nhưng không có kết quả. Anh có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xem xét:

- Công nhận giá trị pháp lý của HĐCNQSDĐ số 003592. Buộc ông Đạt, bà Thúy, anh Long, anh Nhân, chị Đan thực hiện đúng HĐCNQSDĐ số 003592.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3.2. Văn phòng công chứng Lạc Việt trình bày:

Căn cứ theo hồ sơ yêu cầu cầu công chứng; Luật công chứng; việc những người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giao kết; nội dung giao kết không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. VPCC Lạc Việt khẳng định việc công chứng HĐUQ số 1209 ngày 06/9/2016 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giữ nguyên HĐUQ số 1209.

3.3. Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh trình bày:

Ngày 09/11/2017, VPCC Tuệ Tĩnh nhận được yêu cầu của ông Đạt và anh Kiên công chứng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 24/2a, 24/1 theo GCNQSDĐ số AN129326 và HĐUQ số 1209. VPCC Tuệ Tĩnh đã thực hiện công chứng HĐCNQSDĐ số 003592 đúng quy định pháp luật. VPCC Tuệ Tĩnh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

3.4. UBND xã Song Phương có quan điểm:

Diện tích đất nông nghiệp đang tranh chấp thửa 86m² so với GCNQSDĐ do chủ cũ xây dựng theo hiện trạng có lấn chiếm một phần đất công. Phần đất công này do UBND xã Song Phương quản lý. UBND xã đề nghị người sử dụng đất theo quyết định của Tòa án trả lại cho UBND xã quản lý. UBND xã không nắm được biên động thửa đất. Hiện nay thửa đất số 24/2a, 24/1 đang do hộ ông Nguyễn Quang L quản lý, sử dụng. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.5. Ông Phạm Văn Sơn và anh Nguyễn Đình Tùng thống nhất trình bày:

Ông và anh đang sinh sống trên thửa đất của anh Long. Việc xây dựng, kiến thiết ông và anh không liên quan, chỉ là người liên doanh, liên kết gia công, sản xuất, kinh doanh cùng anh Long, đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

3.6. Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ bất động sản Đông Dương. Không có quan điểm trình bày.

* Biên bản xem xét, thẩm định; định giá tài sản xác định: Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 24/2a, 24/1 là 387.642.620 đồng. Hiện có anh Long, anh Tùng, ông Sơn cùng sinh sống, quản lý, ngoài ra không có ai khác. Các tài sản được xây dựng trước khi anh Long được tặng cho; không phát sinh xây dựng mới.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 26/11/2018. TAND huyện Hoài Đức. Quyết định:

“

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

1/- Chấm dứt hợp đồng ủy quyền số 1209.2016/HĐUQ ngày 06/9/2016 giữa bà Đoàn Thị Thanh T, anh Nguyễn Quang L, anh Nguyễn Trọng N, chị Nguyễn Thúy Tâm Đ với ông Lê Quốc Đ liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 24/2a, 24/1, từ

bản đồ số 06, địa chỉ: Khu Mõm Bò, thôn Phương Viên, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

2/- Buộc ông Lê Quốc Đ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử đất số AN 129326, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H0855 ngày 18/7/2008 đứng tên hộ ông Nguyễn Quang L bản gốc cho phía đồng nguyên đơn để gia đình thực hiện các quyền đối với thửa đất;

3/- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Chí Kiên.

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lập tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh số công chứng 003592.2017/CNQSDĐ, Quyền số: 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017 giữa ông Lê Quốc Đ với anh Nguyễn Chí Kiên.

Buộc ông Lê Quốc Đ trả lại ông Nguyễn Chí Kiên số tiền 1.680.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng*) do Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lập tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh số công chứng 003592.2017/CNQSDĐ, Quyền số: 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017 giữa ông Lê Quốc Đ với anh Nguyễn Chí Kiên vô hiệu.

4/- Buộc anh Nguyễn Chí Kiên và ông Lê Quốc Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng tài sản hợp pháp của các đồng nguyên đơn.

.....”
Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 29/01/2019. Bị đơn là ông Đạt kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 26/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì: Vắng mặt Luật sư Thắng và một số đương sự khác. Đề nghị triệu tập: Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án đã tiến hành tổ tụng tại cấp sơ thẩm; VPCC Tuệ Tĩnh; tổ trưởng tổ dân phố Lê Vy Dương, Luật sư văn phòng luật sư Gia Bảo; Công chứng viên Khánh; Chủ tịch UBND xã Song Phương và triệu tập đầy đủ các đương sự trong vụ án tham gia tố tụng.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đạt trình bày luận cứ:*

+ Các quan điểm bị đơn đã trình bày và các tài liệu chứng cứ bị đơn đã giao nộp tại cấp sơ thẩm là đúng thực tế khách quan của vụ án. Tuy nhiên bản án sơ thẩm có rất nhiều sai sót, không đúng pháp luật và gây thiệt hại cho bị đơn. Cụ thể:

+ Cùng ngày 02/11/2017, Thẩm phán vừa nhận đơn khởi kiện vừa ban hành luôn các văn bản tố tụng: Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; Thông báo và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án mà chưa có quyết định phân công. Nhiều Văn bản tố tụng trùng số 93; Thẩm phán không tham gia phiên đối chất nhưng ký vào “Biên bản đối chất”; khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/QĐXXST- DS ngày 31/7/2018 không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty CP Đông Dương tham gia tố tụng; giải quyết Yêu cầu thay đổi thẩm phán của anh Kiên không đúng thẩm quyền; Phiên tòa kết thúc ngày 26/11/2018 nhưng Biên bản nghị án lại ghi ngày 26/11/2019; Giao bản án sơ thẩm cho các đương sự không đúng quy định (*Sau 63 ngày mới giao bản án sơ thẩm cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*). Vụ án thụ lý ngày 02/11/2017 nhưng đến ngày 07/8/2018, VKSND huyện

Hoài Đức mới ban hành Quyết định phân công Kiểm sát viên (*Trước ngày 07/8/2018 thì Cơ quan nào, ai giám sát hoạt động tố tụng*). Hồ sơ vụ án sơ thẩm sắp xếp lộn xộn không đúng trình tự.

+ Bản án sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 26/11/2018 vi phạm nghiêm trọng tố tụng và sai lầm nội dung; bị đơn đã nộp đơn tố cáo Thẩm phán cấp sơ thẩm ra bản án trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết của Cơ quan có thẩm quyền về việc ông Đạt tố cáo Thẩm phán cấp sơ thẩm ra bản án trái pháp luật.

- *Bị đơn phát biểu*: Nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của luật sư. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- *Nguyên đơn* giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Đại diện VCC Lạc Việt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại sơ thẩm.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt; không gửi văn bản hoặc quan điểm bổ sung những vấn đề đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo của mình trong thời hạn Luật định. Cấp sơ thẩm có một số vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến nội dung và sự thật khách quan của vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người kháng cáo đã nộp: Đơn kháng cáo, Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty CP Đông Dương đã gửi đến Tòa án công văn số 65/2019/CV ngày 25/11/2019, VPCC Tuệ Tĩnh, UBND xã Song Phương, anh Kiên, ông Sơn và anh Tùng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc Tòa án triệu tập họ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét thấy, họ đều không kháng cáo, Luật sư Thắng bảo vệ cho ông Đạt đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ 2 nhưng không đến phiên tòa. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Luật sư Lan Anh có Đơn đề nghị ‘Tạm đình chỉ giải quyết vụ án’ không có căn cứ quy định tại Điều 214, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người kháng cáo đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập: Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng tại sơ thẩm và một số người khác không

thuộc trường hợp cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị đơn đề nghị xem xét một số vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc Thẩm phán nhận đơn khởi kiện; ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; Thông báo Thụ lý vụ án và tổng đạt Thông báo trong cùng ngày 02/11/2017 mà chưa có quyết định phân công không trái với quy định tại các Điều: 191, 195, 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc bị đơn cho rằng Thẩm phán không tham gia phiên đối chất nhưng ký vào Biên bản Đối chất không làm thay đổi bản chất những vấn đề các đương sự đã trình bày trong phiên đối chất. Ngoài biên bản đối chất còn rất nhiều các tài liệu, chứng cứ để xác định sự thật khách quan của vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/QĐXXST- DS ngày 31/7/2018 không đưa Công ty CP Đông Dương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, tuy nhiên đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm ngừng phiên tòa, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng; tiến hành Thông báo và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sau đó mới tiếp tục xét xử nhưng Công ty CP Đông Dương cũng không tham gia tố tụng.

Thẩm phán sơ thẩm giải quyết Yêu cầu thay đổi thẩm phán của anh Kiên không vi phạm khoản 2 Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì: Ngoài đơn xin “ Yêu cầu thay đổi Thẩm phán” nộp tại Tòa án (*đóng dấu bưu điện ngày 07/8/2018*) thì tại phiên tòa ngày 21/8/2018, anh Kiên tiếp tục Yêu cầu thay đổi Thẩm phán nên Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu tại phiên tòa. Mặt khác sau khi giải quyết, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa; ngừng phiên tòa; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Kiên có mặt nhưng không có yêu cầu gì khác; các phiên tòa tiếp theo anh Kiên đều không có yêu cầu thay đổi Thẩm phán. Sau khi nhận bản án sơ thẩm, anh Kiên cũng không kháng cáo. Như vậy đủ căn cứ để xác định quyền lợi của anh Kiên đã được đảm bảo, hơn nữa nếu có khiếu nại về việc giải quyết yêu cầu thay đổi Thẩm phán thì thuộc quyền của anh Kiên, chứ không thuộc quyền của người khác.

Biên bản nghị án ghi ngày 26/11/2019 là không đúng với phiên tòa ngày 21/8/2018 được xác định là nhầm lẫn do đánh máy. Vì: Nội dung Biên bản nghị án đề ngày 26/11/2019 đúng với Quyết định của bản án sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 26/11/2018; ngày 29/01/2019, ông Đạt nộp đơn kháng cáo, cấp sơ thẩm đã hoàn thiện hồ sơ và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sơ thẩm đến TAND Thành phố Hà Nội, TAND Thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án dân sự phúc thẩm ngày 18/4/2019, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm từ ngày 23/8/2019, do vậy ngày 26/11/2019 cấp sơ thẩm không thể nghị án. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc soát, xét văn bản.

Ngày 29/01/2019, cấp sơ thẩm mới giao bản án sơ thẩm cho đương sự là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự, vấn đề này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Ngày 07/8/2018, VKSND huyện Hoài Đức mới ban hành Quyết định phân

công Kiểm sát viên không vi phạm các Điều: 21, 57, 58 Bộ luật tố tụng dân sự; việc giám sát hoạt động tố tụng đã được Kiểm sát viên thể hiện tại bài “Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự” (BL 472-475).

Một số tài liệu trong Hồ sơ vụ án sắp xếp không đúng trình tự, mặc dù không làm ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung

Xét kháng cáo của bị đơn:

2.1. Xét HĐUQ số 1209 nhận thấy: Các bên tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự ; tự nguyện giao kết và cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giao kết. VPCC Lạc Việt thực hiện công chứng HĐUQ số 1209 đã tuân thủ các quy định của pháp luật về công chứng. Nội dung của HĐUQ số 1209 phù hợp với quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự 2015 (*Sau đây viết tắt là: BLDS 2015*).

Điều 3 và Điều 4 của HĐUQ số 1209 thể hiện: Thời hạn ủy quyền đến khi ông Đạt thực hiện xong công việc được ủy quyền hoặc theo quy định của pháp luật. HĐUQ số 1209 không có thù lao. Điều 6 HĐUQ số 1209 thể hiện: *“Trong quá trình thực hiện Hợp đồng ủy quyền mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật”*.

Theo quy định tại Điều 563 BLDS 2015 *“...Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền...”*; khoản 1 Điều 569 BLDS 2015 quy định: *“...1. ... nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý..”*.

Hết thời hạn 01 năm, bà Thúy đến VPCC Lạc Việt đề nghị hủy, chấm dứt HĐUQ số 1209 nhưng không gặp và không được ông Đạt thỏa thuận nên VPCC Lạc Việt không có quyền chấm dứt HĐUQ số 1209. Ngày 02/11/2017, bà Thúy nộp đơn khởi kiện đề nghị hủy HĐUQ số 1209 là không trái với quy định pháp luật.

Tại “Đơn phản tố” đề ngày 18/11/2017, ông Đạt trình bày: *“Tôi được Công chứng viên Trần Duy Khánh cho biết: TAND huyện Hoài Đức có Thông báo thụ lý số 93/2017 ký ngày 02/11/2017, thụ lý việc gia đình bà Đoàn Thị Thanh T kiện đòi quyền SDD và đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền...”*; Tại bản tự khai ngày 06/12/2017, ông Đạt trình bày: *“...Tháng 11/2017 tôi được Công chứng viên Trần Duy Khánh cho biết: TAND huyện Hoài Đức đã thụ lý số 93/2017, thụ lý đơn gia đình bà Thúy hủy HĐUQ số 1209...”*. Tại “Đơn tố cáo” đề ngày 13/12/2017, ông Đạt viết *“ Ngày 08/11/2017 tôi được Công chứng viên Trần Duy Khánh báo và photocopy cho hai văn bản, nội dung bốn mẹ con bà Thúy kiện tôi ra TAND huyện Hoài Đức để hủy hợp đồng ủy quyền đã ký ngày 06/9/2016...”*. Có đủ căn cứ xác định ông Đạt biết bà Thúy khởi kiện chấm dứt HĐUQ số 1209 từ ngày 08/11/2017 nhưng ông Đạt không gặp bà Thúy để giải quyết việc tranh chấp ủy quyền mà ngay ngày 09/11/2017

lại ký HĐCNQSDĐ số 003592 chuyển nhượng tài sản do gia đình bà Thúy ủy quyền cho anh Kiên. Như vậy, những người đã ủy quyền cho ông Đạt không thể thỏa thuận được việc chấm dứt HĐUQ số 1209; họ có quyền yêu cầu đơn phương chấm dứt HĐUQ số 1209 và khi có tranh chấp, hai bên không thương lượng được họ có quyền khởi kiện đến Tòa án. TAND huyện Hoài Đức thụ lý là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc tiếp tục thực hiện HĐUQ số 1209. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện ông Đạt đã ký HĐDV số 10 giao khối tài sản được ủy quyền cho Công ty CP Đông Dương do chính ông là đại diện theo pháp luật mà không thông báo cho bên người ủy quyền theo thỏa thuận tại Điều 5 HĐUQ số 1209: “... *Thông báo kịp thời cho Bên A về việc thực hiện các nội dung được Bên A ủy quyền*”. Theo “Đơn phản tố”; “Bản tự khai”; “Đơn tố cáo” của ông Đạt, có đủ căn cứ xác định ông, Đạt biết bà Thúy khởi kiện chấm dứt HĐUQ số 1209 nhưng vẫn giao dịch ký HĐCNQSDĐ số 003592 chuyển nhượng tài sản được ủy quyền cho anh Kiên mà không thông báo cho bên ủy quyền; thậm chí ông còn trình bày là “... *không chuyển nhượng thửa đất số 24/2a, 24/1 cho anh Kiên mà ông mới cho Công ty CP Đông Dương và anh Kiên mượn, sử dụng theo HĐDV số 10...*” . Do vậy cấp sơ thẩm xác định ông Đạt đã vi phạm HĐUQ số 1209, tuyên chấm dứt HĐUQ số 1209 là có căn cứ quy định tại Điều 563, 568, 569 BLDS 2015. Việc ông Đạt cho rằng phải căn cứ Điều 44 Luật công chứng để giải quyết yêu cầu chấm dứt HĐUQ số 1209. Tuy nhiên: Điều 44 Luật công chứng năm 2014 không cấm bên đã ủy quyền khởi kiện chấm dứt Hợp đồng ủy quyền tại Tòa án. Do HĐUQ số 1209 không có thù lao và bị tuyên chấm dứt theo pháp luật nên cấp sơ thẩm buộc ông Đạt trả lại GCNQSDĐ số AN 129326; buộc ông Đạt và anh Kiên chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng tài sản hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ.

2.2. Đối với Thỏa thuận hợp tác kinh doanh ngày 08/9/2016 giữa bà Thúy với ông Đạt; việc ông Đạt giao cho bà Thúy 1.000.000.000 đồng được xác định là quan hệ pháp luật khác và được ký kết thỏa thuận sau khi ký HĐUQ số 1209. Ông Đạt và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết bằng yêu cầu cụ thể nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

2.3. Về HĐCNQSDĐ số 003592 ngày 09/11/2017 giữa ông Đạt với anh Kiên. Ông Đạt không thừa nhận ông đã giao dịch ký HĐCNQSDĐ số 003592 chuyển nhượng tài sản là thửa đất số 24/2a, 24/1 cho anh Kiên. Tuy nhiên căn cứ đơn yêu cầu độc lập của anh Kiên và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đủ căn cứ xác định: Ngày 09/11/2017, ông Đạt và anh Kiên đã lập HĐCNQSDĐ số 003592 đối với thửa đất số 24/2a, 24/1. Ông Đạt thực hiện giao kết hợp đồng này với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của các thành viên trong hộ gia đình anh Long tại HĐUQ số 1209. Tuy nhiên, ngày 02/11/2017, TAND huyện Hoài Đức đã thụ lý vụ án giải quyết tranh chấp HĐUQ số 1209. Theo “Đơn phản tố”; “Bản tự khai”; “Đơn tố cáo” của ông Đạt có đủ cơ sở để xác định, ông Đạt đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã thụ lý và đang giải tranh chấp HĐUQ số 1209. Song ông Đạt vẫn sử dụng HĐUQ số 1209

có tranh chấp để lập HĐCNQSDĐ số 003592 với anh Kiên. Việc thực hiện giao dịch trên, ông Đạt cũng không có bất kỳ thông báo nào đến phía gia đình bà Thúy, anh Long như đã cam kết trong Hợp đồng ủy quyền “... Thông báo kịp thời cho Bên A về việc thực hiện các nội dung được Bên A ủy quyền”. Trong chính bản tự khai đề ngày 06/12/2017, tờ số 2, ông Đạt trình bày “Hiện thửa đất trên chưa định đoạt xong việc thay đổi quyền sở hữu. Tôi mới cho Công ty CP Đông Dương và ông Nguyễn Chí Kiên sinh sống tại xã Song Phương được quyền mượn, quản lý, sử dụng theo Hợp đồng số 10/HĐDVĐĐ ký ngày 10/10/2016”. Tại Biên bản đối chất ngày 11/12/2017 giữa các bên, ông Đạt cũng không thừa nhận đã bán thửa đất trên cho anh Kiên. Như vậy, bản thân ông Đạt khi trình bày tại Tòa án cũng đã cố tình che giấu việc đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng QSDĐ nêu trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định HĐCNQSDĐ số 003592 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật và do bị lừa dối. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Kiên, chấp nhận yêu cầu huỷ HĐCNQSDĐ số 003592 của nguyên đơn; buộc ông Đạt phải thanh toán trả ông Kiên số tiền 1.680.000.000 đồng mà ông Đạt đã nhận là có căn cứ theo quy định tại các Điều: 123, 127, 407 BLDS 2015; anh Kiên không kháng cáo về vấn đề này nên cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định này của cấp sơ thẩm.

2.4. Đối với việc bị đơn trình bày đã cho Công ty CP Đông Dương và anh Kiên mượn, quản lý, sử dụng theo Hợp đồng số 10/HĐDVĐĐ ký ngày 10/10/2016. Qua xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án: Ông Lê Quốc Đ- Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật của Công ty CP Đông Dương, cũng là bị đơn trong vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét trong vụ án này. Nếu sau này, Công ty CP Đông Dương có yêu cầu với cá nhân ông Đạt sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác theo các quy định của pháp luật.

2.5. Đối với diện tích đất thừa: Sau khi gia đình bà Thúy nhận chuyển nhượng thửa đất số 24/2a, 24/1. Gia đình bà Thúy giữ nguyên hiện trạng sử dụng, hiện nay diện tích thửa đất là 926m²; chênh lệch (thừa) 86m² so với GCNQSDĐ. UBND xã Song Phương xác định phần chênh lệch này là diện tích đất công do UBND xã được giao quản lý. Cấp sơ thẩm kiến nghị UBND xã Song Phương làm các thủ tục thu hồi diện tích đất công bị lấn chiếm theo pháp luật là có căn cứ.

2.6. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2.7. Quan điểm của Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm. Tuy nhiên Quyết định của án sơ không quyết định về nghĩa vụ phải chịu lãi suất do chậm thi hành án là thiếu sót. Cấp phúc thẩm cần bổ sung nội dung này và sửa về cách tuyên.

[3]. Về án phí

3.1. Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định về án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần quyết định

nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm (được hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp và đối trừ với nghĩa vụ phải chịu án phí).

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều: 26, 147, 148, 227, 228, khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều: 123,131,132,407,563,568,569 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quốc Đ; Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DSST ngày 26/11/2018 của TAND huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 1209.2016/HĐUQ ngày 06/9/2016 giữa bà Đoàn Thị Thanh T, anh Nguyễn Quang L, anh Nguyễn Trọng N, chị Nguyễn Thúy Tâm Đ đã ký với ông Lê Quốc Đ tại VPCC Lạc Việt.

2. Buộc ông Lê Quốc Đ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 129326, số vào sổ cấp GCNQSDĐH0855 do UBND huyện Hoài Đức cấp cho chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Quang L ngày 18/7/2008.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Chí Kiên.

3.1. Xác định Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất công chứng số 003592.2017/CNQSDĐ, Quyền số: 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017 do ông Lê Quốc Đ và anh Nguyễn Chí Kiên lập tại VPCC Tuệ Tĩnh là vô hiệu.

3.2. Buộc ông Lê Quốc Đ phải trả lại anh Nguyễn Chí Kiên 1.680.000.000 (Một tỷ sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật: Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án về nghĩa vụ trả tiền chưa thanh toán xong khoản tiền phải trả thì còn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền còn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Buộc anh Nguyễn Chí Kiên và ông Lê Quốc Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng tài sản hợp pháp của các đồng nguyên đơn.

5. Về án phí:

5.1. Buộc ông Lê Quốc Đ phải chịu 62.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0008641 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức. Còn phải nộp tiếp 62.100.000 (Sáu mươi hai triệu, một trăm nghìn) đồng.

5.2. Buộc anh Nguyễn Chí Kiên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Kiên đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0008316 ngày 30/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức. Xác định anh Kiên đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Bà Đoàn Thị Thanh T, anh Nguyễn Quang L, anh Nguyễn Trọng N, chị

Nguyễn Thúy Tâm Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Thúy, anh Long, anh Nhân, chị Đan số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0007879 ngày 15/01/2018; 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0007724 ngày 02/11/2017 và 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0007725 ngày 02/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- TAND Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu HSVA/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Hoàng